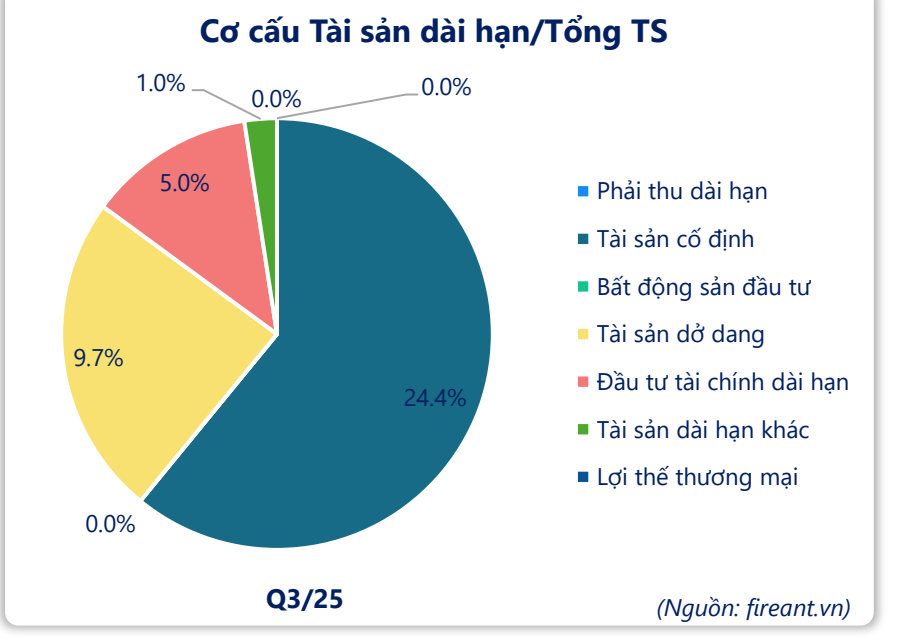
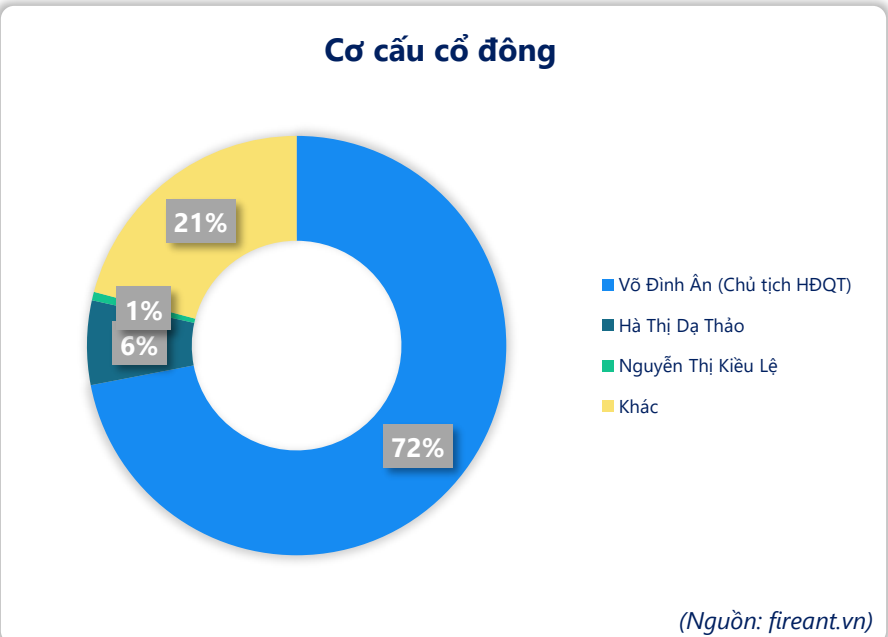
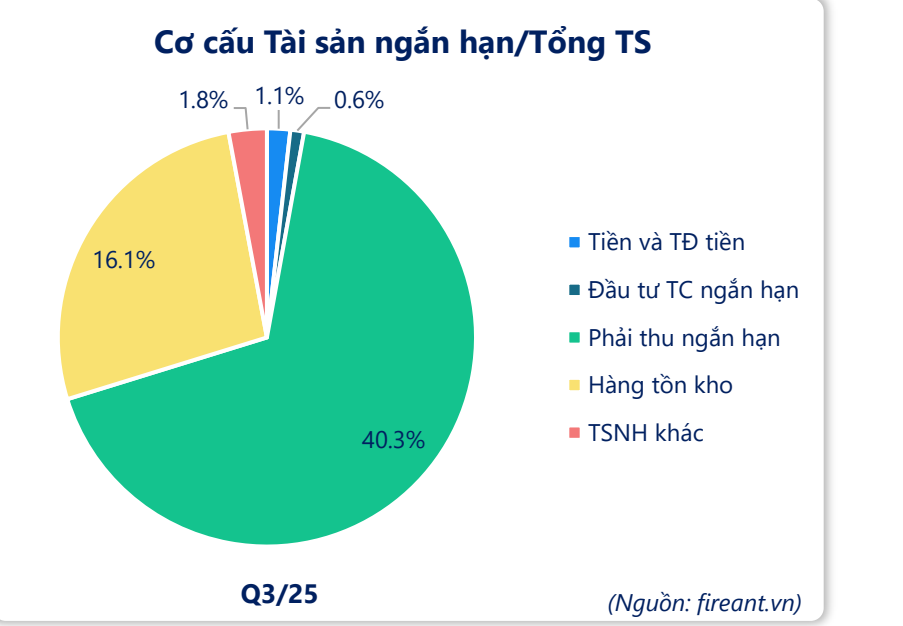
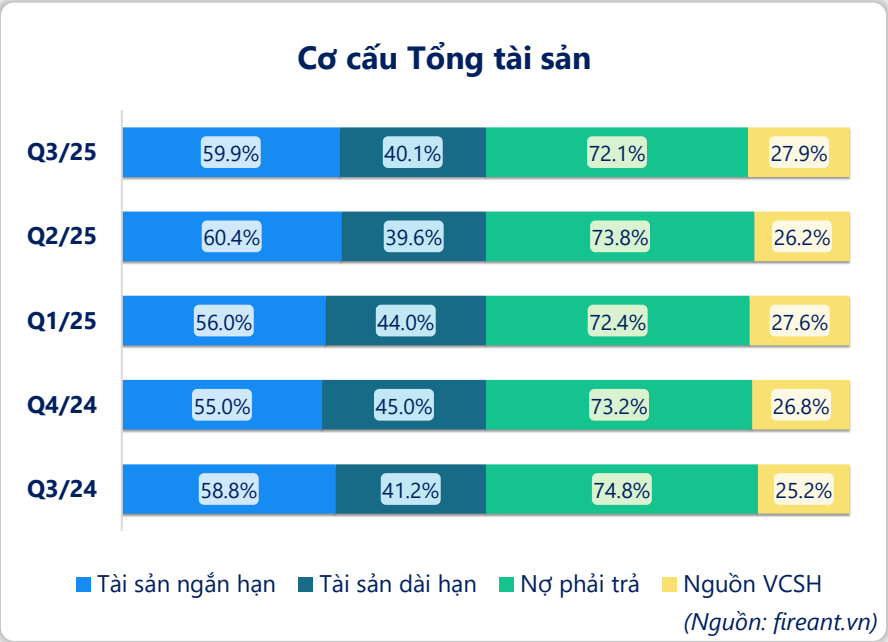
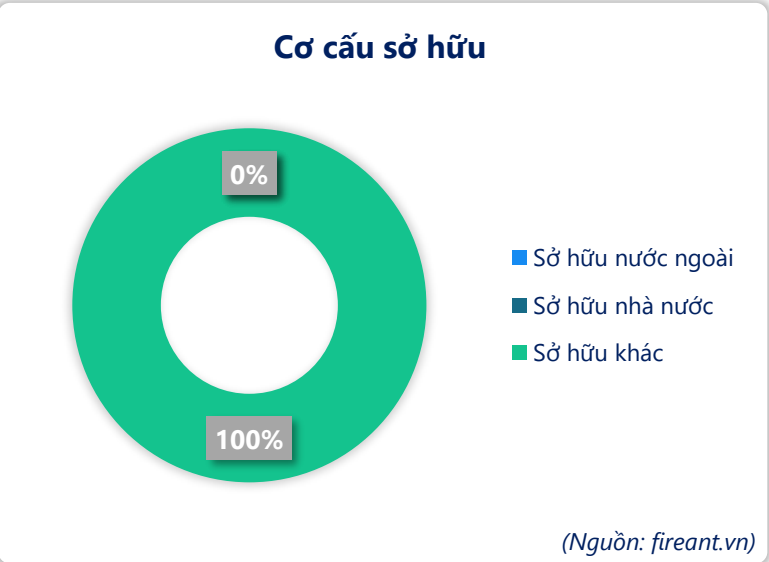
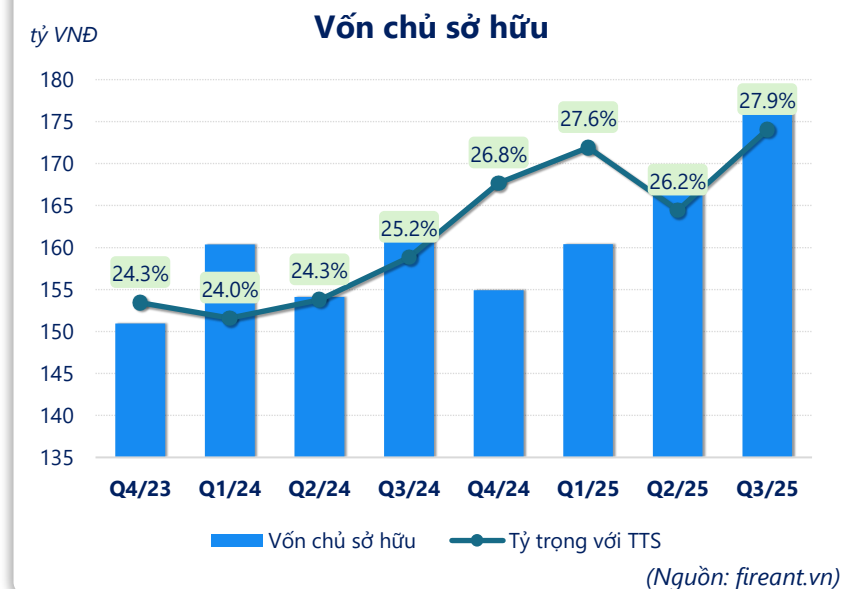
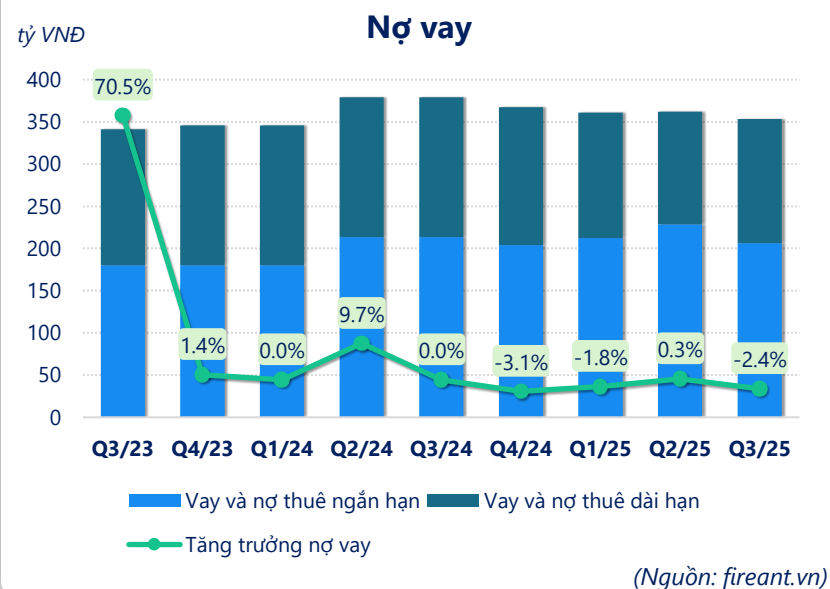
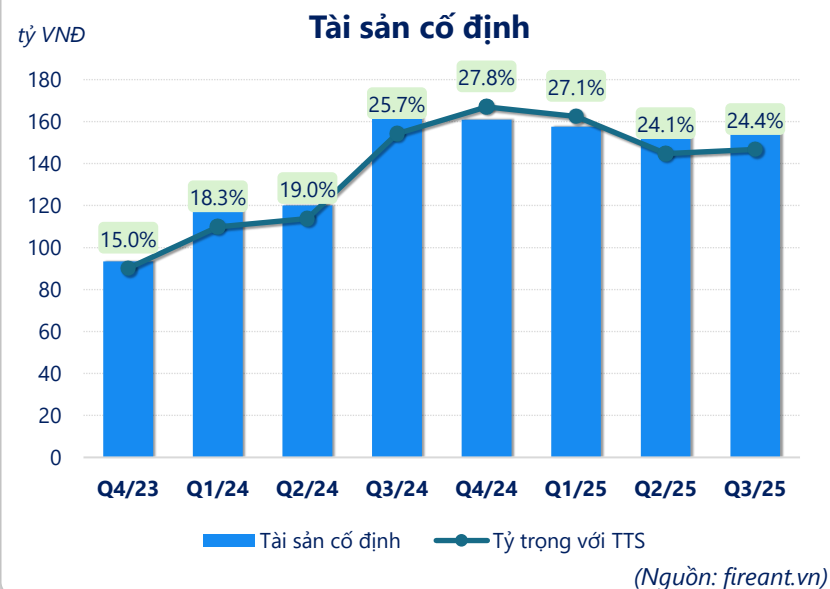
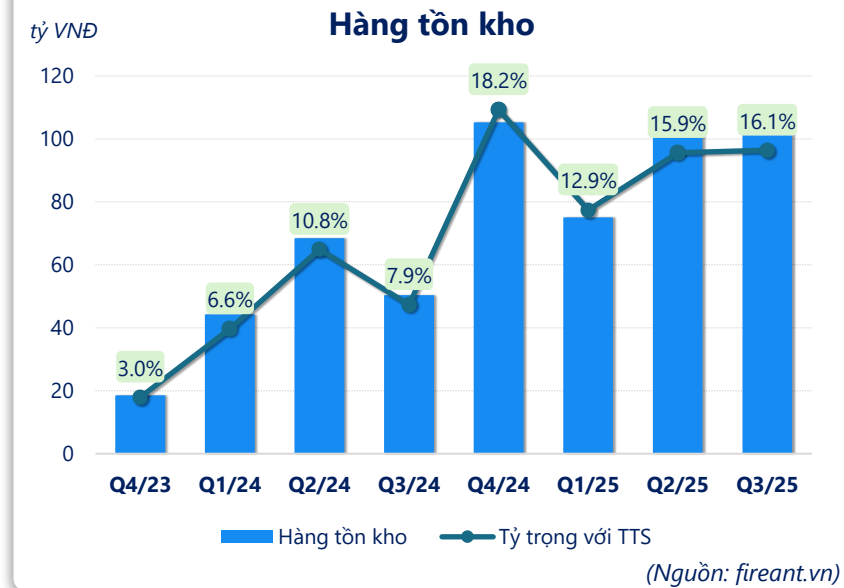
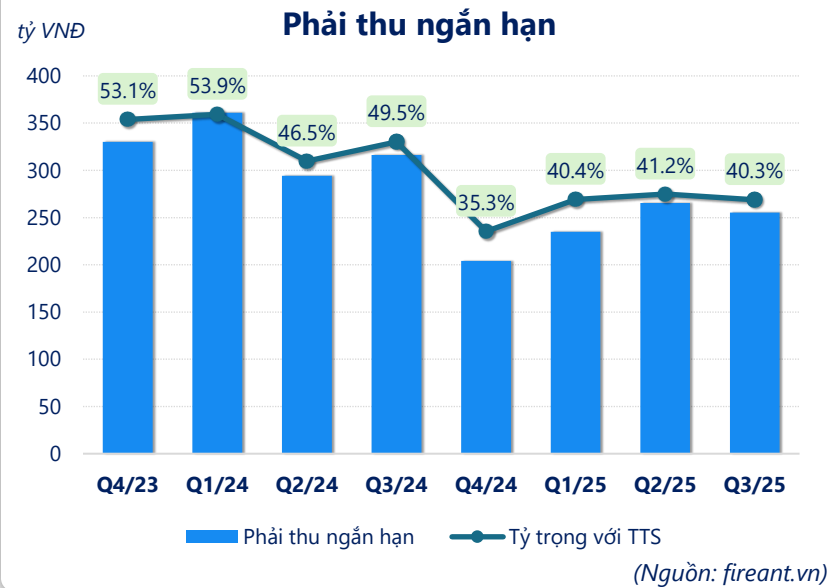
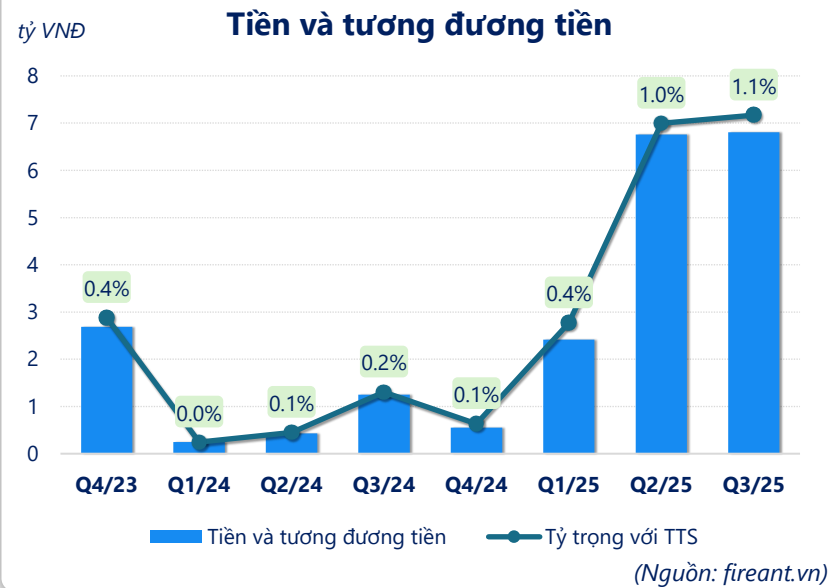
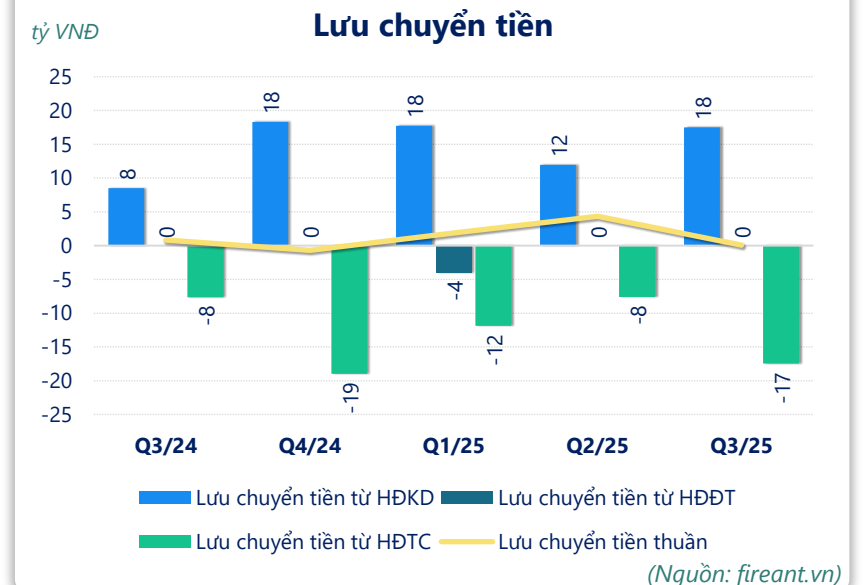
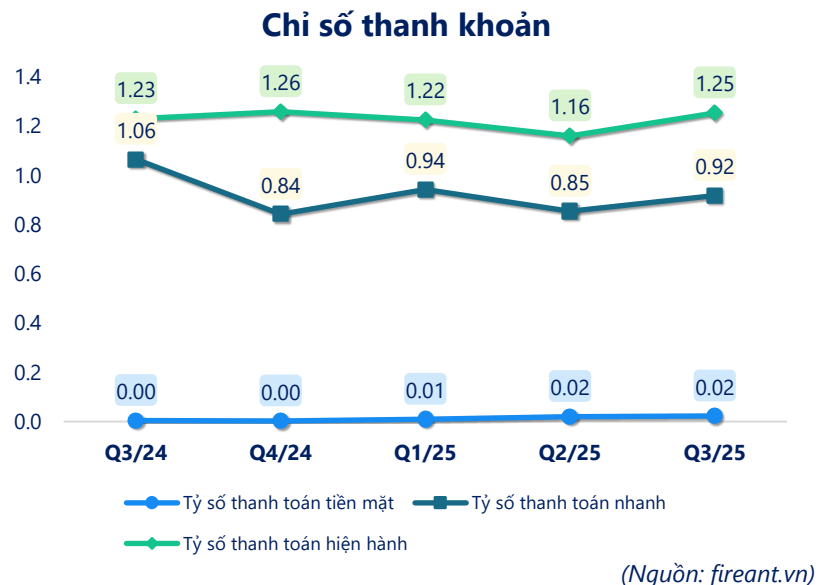
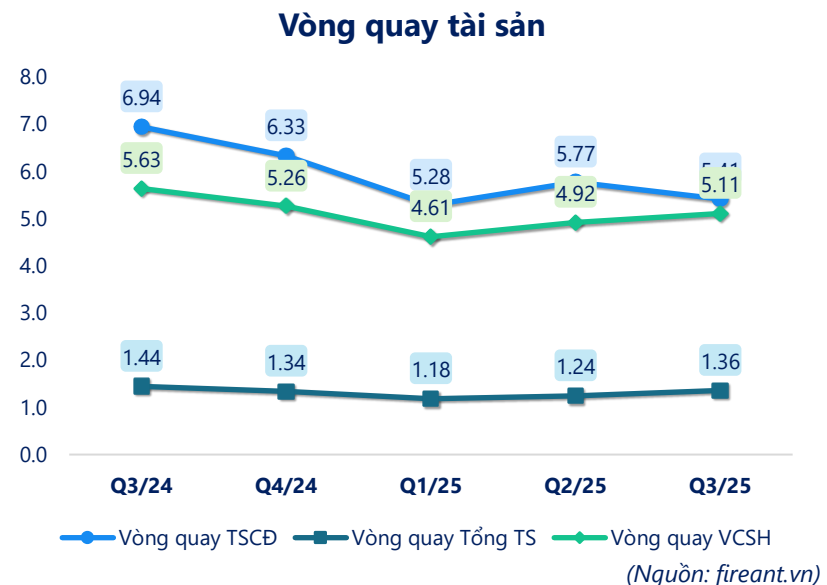
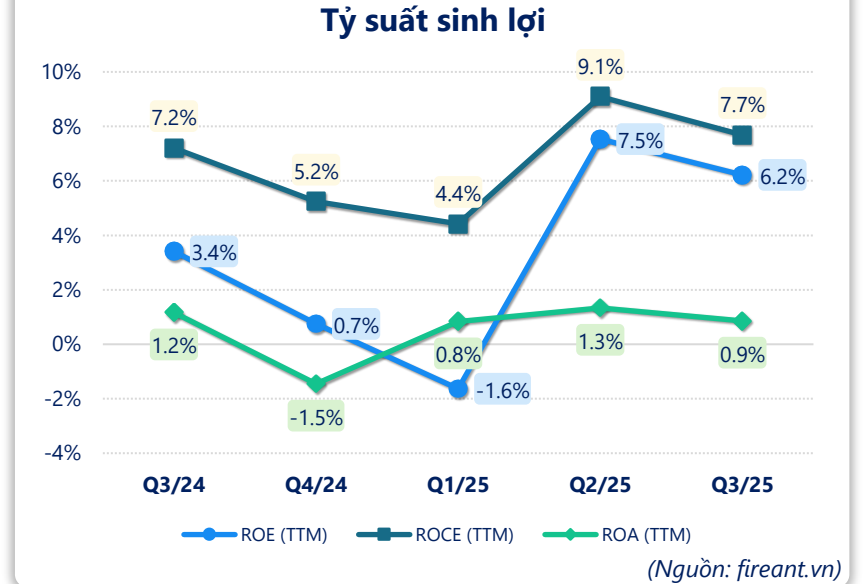
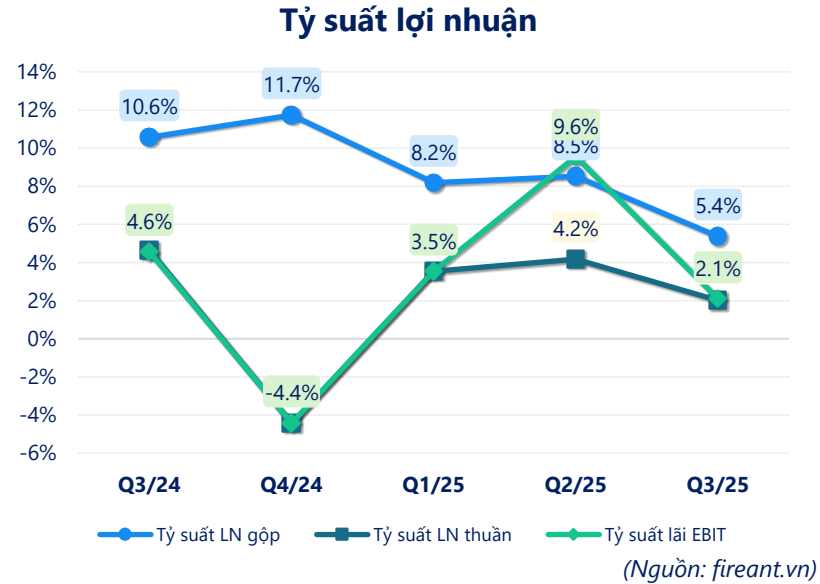
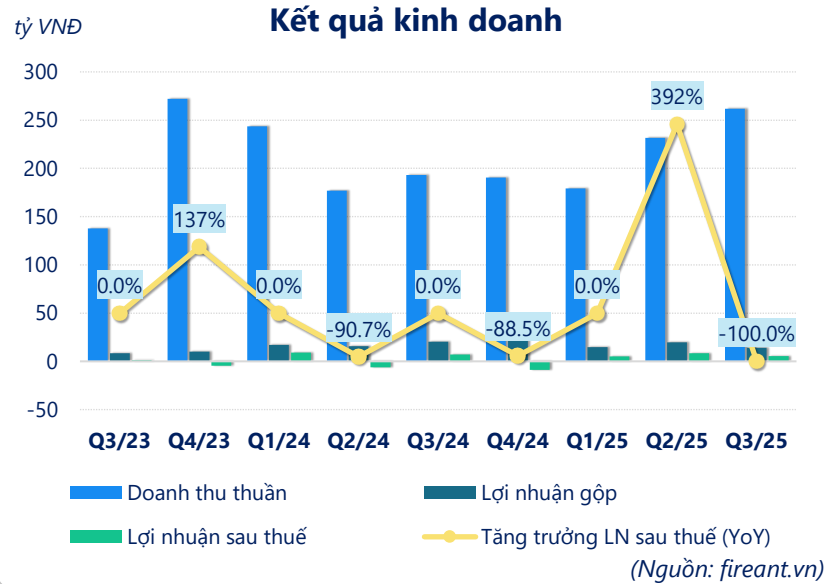


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		8,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		8,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		4,600
SL cổ phiếu LH		12,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,015
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		110
P/E		10.5
EPS		841

	YTD	1T	3T	6T
DMN	63.0%	18.9%	72.5%	39.7%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	633	578	9.5%
Tài sản ngắn hạn	379	318	19.0%
Tiền và tương đương tiền	6.80	0.55	1134%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.00	0	
Phải thu ngắn hạn	255	204	24.9%
Hàng tồn kho	102	105	-3.4%
Tài sản ngắn hạn khác	11.2	8.23	35.7%
Tài sản dài hạn	254	260	-2.3%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	155	161	-3.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	61.3	59.9	2.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	31.7	30.4	4.2%
Tài sản dài hạn khác	6.16	8.61	-28.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	456	423	7.8%
Nợ ngắn hạn	302	253	19.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	206	204	1.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	65.7	19.3	240%
Nợ dài hạn	154	170	-9.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	147	164	-10.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	177	155	13.9%
Vốn chủ sở hữu	177	155	13.9%
Vốn điều lệ	125	125	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	193	190	179	231	262
Giá vốn hàng bán	173	168	165	212	248
Lợi nhuận gộp	20.4	22.3	14.7	19.7	14.1
Doanh thu HĐTC	0.54	1.36	0.11	1.16	0.84
Chi phí TC	6.86	7.55	5.82	6.63	5.76
Chi phí lãi vay	0	0	0	12.4	0
LN trong công ty LKLD	0.21	-0.33	0.19	0.44	0.52
Chi phí bán hàng	4.34	5.38	1.95	3.63	3.15
Chi phí QLDN	0.99	18.9	0.85	1.39	1.26
LN thuần từ HĐKD	8.99	-8.45	6.35	9.68	5.25
Lợi nhuận khác	-0.18	0.02	-0.01	0.05	0.22
LN trước thuế	8.81	-8.42	6.34	9.73	5.47
Lợi nhuận sau thuế	7.13	-8.70	5.22	8.51	5.47
LNST của CĐ cty mẹ	7.13	-8.70	5.22	8.51	5.47

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	8.49	18.3	17.7	12.0	17.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	-4.00	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-7.67	-19.0	-11.9	-7.61	-17.5
Tiền đầu kỳ	0.43	1.25	0.55	2.42	6.76
Lưu chuyển tiền thuần	0.82	-0.70	1.87	4.34	0.05
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.25	0.55	2.42	6.76	6.80

(Nguồn: fireant.vn)